TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN
cho các doanh nghiệp

Ph.D NGUYỄN THỊ LAN

NỘI DUNG:

I • NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

II • CÁC HÌNH THỨC TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

III • NGHIỆP VỤ CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN

I-NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÍN DỤNG TRUNG, DÀI HẠN

1.1 SỰ CẦN THIẾT CỦA TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN CHO DOANH NGHIỆP

1.2 CÁC NGUỒN VỐN HÌNH THÀNH NÊN NGUỒN CHO VAY TRUNG, DÀI HẠN

1.3 ĐIỀU KIỆN CHO VAY TRUNG, DÀI HẠN

1.1. SỰ CẦN THIẾT CỦA TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

1.1.1 Nhu cầu vốn trung dài hạn của doanh nghiệp:

- Mua sắm TSCĐ &TSLĐ thường xuyên

- Thực hiện dự án đầu tư (mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ,…)

DN tìm nguồn tài trợ cho các nhu cầu vốn trung dài hạn ở đâu?

Cơ cấu tài sản và chính sách tài trợ

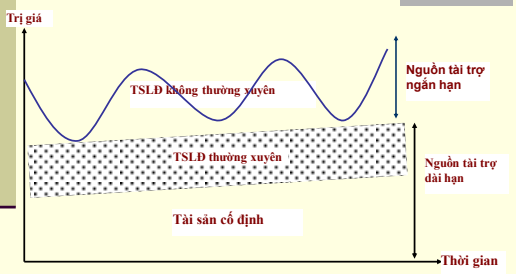

VÌ SAO DN LỰA CHON VAY VỐN TRUNG, DÀI HẠN CỦA NGÂN HÀNG?

- Do DN khó hoặc không thể phát hành chứng khoán để huy động vốn*
- Do các doanh nghiệp không muốn phát hành chứng khoán**
- Trong nhiều trường hợp vay trung, dài hạn có nhiều ưu việt hơn phát hành chứng khoán.

1.2. CÁC NGUỒN VỐN HÌNH THÀNH NÊN NGUỒN CHO VAY TRUNG, DÀI HẠN

- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 1 năm
- Nguồn phát hành trái phiếu
- Vay từ công ty mẹ
- Một phần vốn tự có
- Nguồn khác (vay dài hạn của NH nước ngoài, vốn ủy thác của nhà nước, vốn ngắn hạn…)

1.3. ĐIỀU KIỆN CHO VAY TRUNG, DÀI HẠN

NH cho DN vay vốn trung, dài hạn khi DN đủ ĐK:

- Có năng lực pháp lý
- Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp
- Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời gian cam kết
- Dự án đầu tư có tính khả thi và tính toán được hiệu quả trực tiếp.
- Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay

II- CÁC HÌNH THỨC TÍN DỤNG TRUNG, DÀI HẠN

- Cho vay mua sắm máy móc- thiết bị trả góp
- Cho vay kỳ hạn (từ trên 1 năm)
- Tín dụng tuần hoàn
- Tín dụng thuê mua
- Cho vay theo dự án đầu tư
- Cho vay hợp vốn

2.1 Cho vay mua sắm máy móc-thiết bị trả góp

- *Đó là các khoản cho vay có thời hạn trên 1 năm, nhằm tài trợ cho nhu cầu mua sắm MM-TB của doanh nghiệp.*
- *Tiền vay được thanh toán dần cho NH theo định kỳ.*

2.2 Cho vay kỳ hạn (term loan)

- *Đó là những khoản cho vay có kỳ hạn từ trên 1 năm nhằm tài trợ cho những mục đích chung của doanh nghiệp.*
- **Mục đích:**
  - Tài trợ cho nhua cầu TSLĐ thường xuyên;
  - Đầu tư vào bất động sản, các thiết bị SX;
  - Góp vốn liên doanh…

2.3 Tín dụng tuần hoàn

- *Đó là một hình thức cho vay, trong đó NH cam kết chính thức dành cho khách hàng một hạn mức tín dụng trong một thời hạn dài (1-3 năm).*
- **Mục đích**:
  - Tài trợ cho nhu cầu tăng trưởng của TSLĐ thường xuyên.
  - Thay thế các khoản nợ ngắn hạn tới kỳ hạn trả.
- **Lưu ý**:
  - *DN chỉ phải trả lãi trên khoản thực vay.*
  - *Phần hạn mức còn lại thì phải trả phí cam kết.*

2.4 Cho vay theo dự án đầu tư

- **Mục đích**: hình thành nên TSCĐ của dự án đầu tư (DADT).
- **Nguồn trả nợ:**
- Lợi nhuận sau thuế tạo ra từ DADT
- Khấu hao TSCĐ của DADT
- Nguồn khác

2.5 Cho vay hợp vốn

- ***Là gì?*** Là việc ngân hàng tham gia tài trợ DADT cùng với một hay nhiều ngân hàng khác.
- **Đề xuất cho vay hợp vốn:** do NH đầu mối
- **Phối hợp thực hiệ**n: NH đầu mối và các NH thành viên.

❖ ***Lợi ích cho vay hợp vốn?***

2.5 Cho vay hợp vốn*(tiếp)*

- **Hợp đồng tài trợ**: Cam kết bằng văn bản giữa các NH tham gia về quyền và nghĩa vụ của mỗi NH trong toàn bộ quá trình cho vay.
- **HĐ tín dụng**: có thêm các nội dung:
  - *Tên các NH thành viên*
  - *Số tiền và tỷ trọng tài trợ của từng NH*
  - *Phương thức tài trợ v*
  - *Chữ ký của các thành viên*
- **Giải ngân**: theo tiến độ thực hiện DADT, NH đầu mối ký khế ước cho vay mỗi lần giải ngân.
- **Thu nợ:** bên vay trả nợ cho NH đầu mối theo kỳ hạn đã thỏa thuận, việc trả nợ phải thông báo trước và được sự chấp nhận của NH đầu mối.

III- NGHIỆP VỤ CHO VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Xác định hạn mức cho vay
- Xác định nguồn trả nợ
- Xác định thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ
- Xác định lãi suất cho vay
- Bảo đảm tiền vay
- Giải ngân và quản lý khoản vay
- Xác định số tiền vay thanh toán từng định kỳ

3.1 Xác định mức cho vay

- **Khái niệm**: *Hạn mức tín dụng trung, dài hạn là số dư nợ cao nhất mà NH có thể cấp tín dụng cho một DN hay một dự án đầu tư trong một kỳ.*
- **Phương pháp xác định HMTD trung, dài hạn :**

HMTD = Tổng dự toán chi phí- (nguồn vốn tự có + nguồn vốn khác)

Lưu ý: *HMTD phải thực hiện đúng giới hạn tín dụng được quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và được hướng dẫn chi tiết tại Thông tư 13/2010/TT-NHNN:*

3.1 Xác định mức cho vay

(tiếp theo)

- **Giới hạn tín dụng** (*Mức cho vay tối đa*): *Theo Thông tư 13/2010/TT-NHNN:*

- Tổng dư nợ cho vay đối với ***một khách hàng*** ≤ 15% vốn tự có (VTC) của TCTD.
- Tổng dư nợ cho vay đối với ***một nhóm khách hàng có liên quan*** ≤ 50% VTC của TCTD.
- Tổng dư nợ cho thuê tài chính đối với ***một khách hàng*** ≤ 30% VTC của công ty cho thuê tài chính.
- Tổng dư nợ cho thuê tài chính đối với ***một nhóm khách hàng có liên quan*** ≤ 50% VTC của c.ty cho thuê TC.

Trường hợp vượt giới hạn HMTD thì xử lý ntn?

3.2 Xác định nguồn trả nợ

- **Bao gồm:**
  - *Khấu hao*
  - *Lợi nhuận dùng để trả nợ*
  - *Nguồn khác*
- **Công thức tổng quát:**

Nguồn trả nợ = Khấu hao + Lợi nhuận dùng để trả nợ + Nguồn khác

3.2 Xác định nguồn trả nợ *(tiếp)*

- **Phương pháp nguồn trả nợ khả dụng** *(Funds Available To Service Additional Term Loan Approach- FATSATL)*
- ***FATSATL=(ATX +NCC)-D-FX-CMLTD-△INT-△WC***
- Trong đó:

- *FATSATL : là nguồn trả nợ khả dụng của DN*
- *ATX: Lợi nhuận sau thuế*
- *NCC: chi phí ko phát sinh chi tiền (Khấu hao TSCĐ, thuế hoãn nộp..)*
- *D: Khoản chia cổ tức (nếu có)*
- *FX: Khoản chi tiêu mua sắm TSCĐ*
- *CMLTD: Nợ dài hạn đến hạn trả*
- *△INT: Lãi phải trả cho khoản vay mới*
- *△WC: Phần giá trị tăng thêm trong TSLĐ*

3.3 Xác định thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ

3.3.1 Xác định thời hạn vay:

THỜI HẠN CHO VAY

Thời hạn chuyển giao tín dụng *(Giải ngân)*	Thời hạn ưu đãi tín dụng *(ân hạn)*	Thời hạn hoàn trả tín dụng *(Thời gian trả nợ)*

Xác định thời hạn vay?

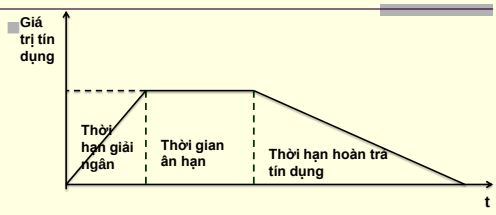

Thời hạn hoàn trả= Tổng số tiền cho vay (gốc) : Số vốn hoàn trả bình quân (năm)

Kỳ hạn trả nợ

- Các phương án lựa chọn kỳ hạn trả nợ:
  - **Các kỳ hạn trả nợ đều nhau**
  - **Các kỳ hạn có tính chất thời vụ**
  - **Kỳ hạn trả nợ chỉ có một lần vào lúc kết thúc thời hạn vay**

Lựa chọn phương án nào?

Lựa chọn kỳ hạn trả nợ?

• Lựa chọn kỳ hạn trả nợ căn cứ vào thời lượng(D) của các phương án trả nợ:

$$D = \frac{\sum_{t=1}^{n} \frac{CF_t \times t}{(1+r)^t}}{\sum_{t=1}^{n} \frac{CF_t}{(1+r)^t}}$$

Trong đó:
- CFt là khoản tiền DN trả nợ cho ngân hàng năm thứ t.
- n là kỳ hạn vay;
- r là lãi suất cho vay tính theo kỳ (t)

-Nếu khách hàng vay có rủi ro cao ☞ D ngắn
- Nếu khách hàng vay có rủi ro thấp ☞ D dài

Ví dụ:

Ngân hàng ACB cho doanh nghiệp X vay 10 tỷ đồng, thời hạn 3 năm với lãi suất 10%/năm. Việc hoàn trả vốn và lãi được lựa chọn một trong 3 phương án sau đây:

- *P/án 1:* Vốn gốc và lãi được hoàn trả 1 lần vào lúc đáo hạn.
- *P/án 2:* Lãi được hoàn trả mỗi năm, vốn gốc được hoàn trả 1 lần vào lúc đáo hạn.
- *P/án 3:* Vốn gốc và lãi được thanh toán đều nhau trong thời hạn vay.

Hãy lựa chọn phương án trả nợ của DN X?

3.4 Xác định lãi suất cho vay

Lãi suất cho vay= Lãi suất huy động + phí suất tín dụng

3.5 Bảo đảm tiền vay

Tín dụng tuần hoàn	• Khoản phải thu • Hàng tồn kho
Tài trợ TSCĐ	• TSCĐ hình thành từ vốn vay • Tài sản khác thuộc sở hữu người vay
Cho vay kỳ hạn	• Tài sản thuộc sở hữu người vay • Sự bảo lãnh của bên thứ ba

3.6 Giải ngân và quản lý khoản vay

Cho vay mua sắm TSCĐ	Cho vay DADT	Tài trợ TSLĐ TX
• Giải ngân 1 lần	• Giải ngân theo tiến độ dự án	• Giải ngân nhiều lần

Quy trình giải ngân cho vay mua TSCĐ

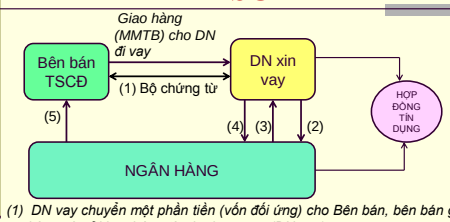

(1) DN vay chuyển một phần tiền (vốn đối ứng) cho Bên bán, bên bán giao hàng và gửi bộ chứng từ cho bên mua (DN vay)

(2) DN gửi BCT từ nhà cung cấp đến NH để xin vay.*

(3) NH kiểm tra tính hợp pháp của BCT và rót tiền vào TK cho vay của DN vay (ghi nợ vào TK).

(4) DN lập ủy nhiệm chi cho NH chuyển tiền cho nhà cung cấp.

(5) Trên cơ sở ủy nhiệm chi của DN vay, NH chuyển tiền cho nhà cung cấp.

3.7 Xác định số tiền vay thanh toán từng định kỳ

- *TH 1:* Vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính theo số dư nợ còn lại.
- *TH 2*: Vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính theo số vốn gốc đã hoàn trả.
  - lãi được tính *(theo lãi đơn)* theo số vốn gốc đã hoàn trả:
  - lãi được tính *(theo lãi suất tích hợp)* theo số vốn gốc đã hoàn trả:
- *TH 3:* Vốn gốc và lãi được thanh toán đều nhau theo phương pháp hiện giá.

3.7 Xác định số tiền vay thanh toán từng định kỳ

❖ **TH 1: Vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính theo số dư nợ còn lại:**

$$T_{(t)} = T_v + T_{L(t)}$$

$$T_v = \frac{V}{n} \qquad T_{L(t)} = [V - (t-1)T_v] \times r$$

* Trong đó:

- *T(t) là số tiền thanh toán ở kỳ t*
- *Tv là số vốn gốc phải thanh toán mỗi kỳ*
- *TL(t) là lãi phải thanh toán trong kỳ t*
- *V là vốn gốc; n là kỳ hạn thanh toán;*
- *r là lãi suất cho vay (tương ứng với kỳ hạn)*

Bài tập 1:

- *Ngân hàng A cho doanh nghiệp X vay vốn trung, dài hạn để mua một máy ép cọc. Giá bán của máy ép cọc cần mua là 700 tr. đồng. Số vốn đối ứng doanh nghiệp tham gia là 200 tr. đồng. Số tiền cần vay là 500 tr.đ, với thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất cho vay là 10%/năm. Ngân hàng áp dụng:* ***vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính theo số dư nợ còn lại.***
- *Hãy xác định tiền vay thanh toán mỗi định kỳ?*

3.7 Xác định số tiền vay thanh toán từng định kỳ

❖ **TH 2a: Vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính *(theo lãi đơn)* theo số vốn gốc đã hoàn trả:**

$$T_{(t)} = T_v + T_{L(t)}$$

$$T_v = \frac{V}{n} \qquad T_{L(t)} = T_v \times rt$$

3.7 Xác định số tiền vay thanh toán từng định kỳ

- ***TH 2b:*** **Vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính *(theo lãi suất tích hợp)* theo số vốn gốc đã hoàn trả:**

$$T_{(t)} = T_v + T_{L(t)}$$

$$T_v = \frac{V}{n} \qquad T_{L(t)} = T_v\left[(1+r)^t - 1\right]$$

Bài tập 2:

- *Ngân hàng A cho DN X vay vốn trung, dài hạn để mua một máy ép cọc. Giá bán của máy ép cọc cần mua là 700 tr.đ. Số vốn đối ứng DN tham gia là 200 tr.đ. Số tiền cần vay là 500 tr.đ, với thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất cho vay là 10%/năm. Ngân hàng áp dụng:* ***vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính theo vốn gốc hoàn trả .***
- *Hãy xác định tiền vay thanh toán mỗi định kỳ theo 2 trường hợp?*

3.7 Xác định số tiền vay thanh toán từng định kỳ

- ***TH 3:*** **Vốn gốc và lãi được thanh toán đều nhau theo phương pháp hiện giá**

$$V = \frac{C_1}{(1+r)} + \frac{C_2}{(1+r)^2} + \ldots + \frac{C_n}{(1+r)^n} = \frac{C}{r} \times \left(1 - \frac{1}{(1+r)^n}\right)$$

$$C = \frac{V \times r \times (1+r)^n}{(1+r)^n - 1}$$

Trong đó:
- V là vốn cho vay ban đầu
- r là lãi suất cho vay;
- C là số tiền phải trả định kỳ;
- n là số kỳ (năm) trả nợ.

Bài tập 3:

- *Ngân hàng A cho doanh nghiệp X vay vốn trung, dài hạn để mua một máy ép cọc. Giá bán của máy ép cọc cần mua là 700 tr. đồng. Số vốn đối ứng doanh nghiệp tham gia là 200 tr. đồng. Số tiền cần vay là 500 tr.đ, với thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất cho vay là 10%/năm. Ngân hàng áp dụng: **vốn gốc và lãi được thanh toán đều nhau theo phương pháp hiện giá .***
- *Hãy xác định tiền vay thanh toán mỗi định kỳ?*